

Đề thi học kì 2 Toán lớp 2 năm học 2020 – 2021 – Đề số 1

Đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 1

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm): Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Kết quả của phép tính 2×5 bằng:

- A. 10 B. 12 C. 14 D. 16

Câu 2: Số “Ba trăm hai mươi bảy” được viết là:

- A. 237 B. 27 C. 300 D. 327

Câu 3: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $728 > \dots$ là:

- A. 883 B. 740 C. 702 D. 747

Câu 4: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $45\text{km} + 13\text{km} = \dots\text{km}$ là:

- A. 60 B. 58 C. 56 D. 54

Câu 5: Giá trị của X thỏa mãn $X - 102 = 234$ là:

- A. $X = 336$ B. $X = 405$ C. $X = 318$ D. $X = 324$

Câu 6: Tổng $500 + 20 + 3$ biểu thị số:

- A. 532 B. 523 C. 235 D. 253

Câu 7: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $3\text{dm } 4\text{cm} = \dots\text{mm}$ là:

- A. 403 B. 304 C. 340 D. 34

Câu 8: Chu vi của hình tứ giác có độ dài các cạnh lần lượt là 4cm, 6cm, 9cm và 11cm

bằng:

- A. 28cm B. 29cm C. 30cm D. 31cm

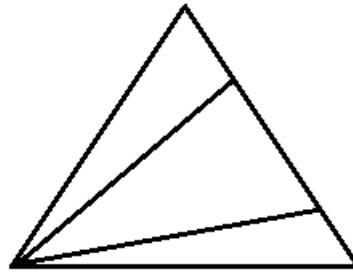
Câu 9: Phép tính $124 + 225$ có kết quả bằng:

- A. 313 B. 351 C. 327 D. 349

Câu 10: Độ dài của đường gấp khúc ABCD có độ dài $AB = 3\text{cm}$, $BC = 2\text{cm}$ và $CD = 10\text{cm}$ là:

- A. 15cm B. 12cm C. 13cm D. 16cm

Câu 11: Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác?



- A. 3 hình B. 4 hình C. 5 hình D. 6 hình

II. Phần tự luận (3 điểm)

Bài 1: Thực hiện phép tính:

- a) $123 + 245$ b) $568 - 220$
c) $2 \times 6 + 2 \times 3$ d) $12 : 2 + 18 : 3$

Bài 2: Lớp 2A có 15 bạn học sinh nam và 20 bạn học sinh nữ. Hỏi lớp 2A có tất cả bao nhiêu học sinh?

Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 1**I. Phần trắc nghiệm**

1. A	2. D	3. C	4. B	5. A	6. B
7. C	8. C	9. D	10. A	11. D	

II. Phần tự luận**Bài 1:**

a) $123 + 245 = 368$

b) $568 - 220 = 348$

c) $2 \times 6 + 2 \times 3 = 18$

d) $12 : 2 + 18 : 3 = 12$

Bài 2:

Lớp 2A có tất cả số học sinh là:

$$15 + 20 = 35 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 35 học sinh

Đề thi học kì 2 Toán lớp 2 năm học 2020 – 2021 – Đề số 2**Đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 2****I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):** Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:**Câu 1:** Số “Hai trăm năm mươi hai” được viết là:

- A. 230 B. 252 C. 222 D. 255

Câu 2: Số 632 được viết thành tổng là:

- A. $600 + 20 + 3$ B. $600 + 30 + 2$ C. $60 + 300 + 2$ D. $60 + 3 + 200$

Câu 3: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $\dots > 382$ là:

- A. 390 B. 380 C. 370 D. 360

Câu 4: Kết quả của phép tính $415 + 253$ là:

- A. 624 B. 668 C. 612 D. 680

Câu 5: Kết quả của phép tính $756 - 413$ là:

- A. 331 B. 327 C. 325 D. 343

Câu 6: Giá trị của X thỏa mãn $X \times 2 = 10$ là:

- A. $X = 2$ B. $X = 3$ C. $X = 4$ D. $X = 5$

Câu 7: Bạn Hoa đi học lúc 9 giờ. Giờ đó thuộc buổi:

- A. Buổi tối B. Buổi sáng C. Buổi trưa D. Buổi chiều

Câu 8: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $4\text{cm} = \dots\text{mm}$ là:

- A. 40 B. 4 C. 44 D. 400

Câu 9: Số cạnh của một hình tam giác là:

- A. 3 cạnh B. 4 cạnh C. 5 cạnh D. 6 cạnh

Câu 10: Chu vi của hình tam giác có ba cạnh bằng nhau và bằng 5cm là:

- A. 14cm B. 13cm C. 15cm D. 16cm

Câu 11: Hình dưới đây có bao nhiêu hình chữ nhật?



A. 12 hình

B. 11 hình

C. 10 hình

D. 9 hình

II. Phần tự luận (3 điểm)

Bài 1: Tìm X , biết:

a) $X - 100 = 215$

b) $987 - X = 345$

c) $X : 5 = 2$

d) $12 : X = 3$

Bài 2: Lớp 2A có 18 bạn học sinh nam. Biết số học sinh nữ của lớp nhiều hơn số học sinh nam là 7 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu bạn học sinh nữ?

Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 2**I. Phần trắc nghiệm**

1. B	2. B	3. A	4. B	5. D	6. D
7. B	8. A	9. A	10. C	11. A	

II. Phần tự luận**Bài 1:**

a) $X - 100 = 215$

$X = 215 + 100$

$X = 315$

c) $X : 5 = 2$

$X = 2 \times 5$

$X = 10$

b) $987 - X = 345$

$X = 987 - 345$

$X = 642$

d) $12 : X = 3$

$X = 12 : 3$

$X = 4$

Bài 2:

Lớp 2A có số bạn học sinh nữ là:

$$18 + 7 = 25 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 25 học sinh

Đề thi học kì 2 Toán lớp 2 năm học 2020 – 2021 – Đề số 3**Đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 3****I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):** Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:**Câu 1:** Số 736 được đọc là:

- A. Bảy trăm ba mươi sáu B. Bảy trăm ba và sáu
C. Bảy trăm sáu mươi ba D. Bảy ba sáu

Câu 2: Các số 938, 148, 593, 293 được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 148, 293, 593, 938 B. 938, 593, 293, 148
C. 593, 938, 293, 148 D. 148, 593, 293, 938

Câu 3: Giá trị của số 2 trong số 824 là:

- A. 2 B. 200 C. 20 D. 824

Câu 4: Kết quả của phép tính $250 + 318$ là:

- A. 668 B. 548 C. 568 D. 648

Câu 5: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $15m + 27m - 20m = \dots m$ là:

- A. 20m B. 21m C. 22m D. 23m

Câu 6: Giá trị của X thỏa mãn $X : 4 = 2$ là:

- A. $X = 7$ B. $X = 8$ C. $X = 9$ D. $X = 10$

Câu 7: Biết ngày 11 trong tháng vào thứ ba. Hỏi ngày 18 cùng tháng đó vào thứ mấy?

- A. Thứ hai B. Thứ ba C. Thứ tư D. Thứ năm

Câu 8: Kết quả của phép tính $256 - 100$ là:

- A. 172 B. 134 C. 128 D. 156

Câu 9: Độ dài đường gấp khúc ABCD bằng bao nhiêu biết $AB = 5\text{cm}$, $BC = 10\text{cm}$ và

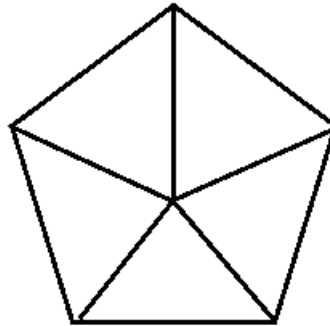
CD = 11cm?

- A. 27cm B. 26cm C. 25cm D. 24cm

Câu 10: Chu vi của hình tứ giác có 4 cạnh bằng nhau và bằng 6dm là:

- A. 16dm B. 20cm C. 24dm D. 24cm

Câu 11: Hình dưới đây có bao nhiêu hình tam giác?



- A. 8 hình B. 7 hình C. 6 hình D. 5 hình

II. Phần tự luận (3 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

- a) $133 + 224$ b) $983 - 560$ c) 2×5 d) $18 : 3$

Bài 2: Bác Hoa muốn may 8 bộ quần áo, mỗi bộ quần áo may hết 3m vải. Hỏi bác Hoa cần bao nhiêu mét vải để may hết số bộ quần áo?

Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 3**I. Phần trắc nghiệm**

1. A	2. A	3. C	4. C	5. C	6. B
7. B	8. D	9. B	10. C	11. D	

II. Phần tự luận

Bài 1: Học sinh tự đặt phép tính rồi tính:

a) $133 + 224 = 357$

b) $983 - 560 = 423$

c) $2 \times 5 = 10$

d) $18 : 3 = 6$

Bài 2:

Số mét vải bác Hoa cần để may hết số bộ quần áo là:

$$3 \times 8 = 24 \text{ (m)}$$

Đáp số: 24m

Đề thi học kì 2 Toán lớp 2 năm học 2020 – 2021 – Đề số 4**Đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 4****I. Phần trắc nghiệm (4 điểm):** Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:**Câu 1:** Số “Năm trăm tám mươi bảy” được viết là:

- A. 500 B. 87 C. 578 D. 587

Câu 2: Số bé nhất trong các số 834, 148, 593, 328 là:

- A. 593 B. 834 C. 148 D. 328

Câu 3: Giá trị của X thỏa mãn $X - 124 = 572$ là:

- A. $X = 696$ B. $X = 672$ C. $X = 693$ D. $X = 616$

Câu 4: Hôm nay là ngày 12. Một tuần nữa sẽ là ngày:

- A. 19 B. 18 C. 17 D. 16

Câu 5: Bạn Lan có 20 quyển vở. Bạn Hòa nhiều hơn bạn Lan 6 quyển vở. Số quyển vở bạn Hòa có là:

- A. 25 quyển B. 26 quyển C. 27 quyển D. 28 quyển

Câu 6: Kết quả của phép tính $12 : 2 + 5 \times 4$ là:

- A. 8 B. 12 C. 20 D. 26

Câu 7: Chu vi của hình tam giác có độ dài ba cạnh lần lượt là 2cm, 3cm và 4cm là:

- A. 6cm B. 7cm C. 8cm D. 9cm

II. Phần tự luận (6 điểm)**Câu 8:** Đặt tính rồi tính:

- a) $105 + 273$ b) $852 - 720$ c) 2×3 d) $20 : 4$

Câu 9: Tìm X, biết:

- a) $X - 200 = 415$ b) $X : 9 = 3$

Câu 10: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $4\text{cm} = \dots\text{mm}$

b) $5\text{dm} = \dots\text{mm}$

c) $12\text{km} + 27\text{km} = \dots\text{km}$

c) $20\text{kg} : 5 + 24\text{kg} = \dots\text{kg}$

Câu 11: Mỗi bộ quần áo cần 4m vải. Hỏi 8 bộ quần áo như vậy cần bao nhiêu mét vải?

Câu 12: Lớp 2A có 16 học sinh nam. Số học sinh nữ của lớp 2A nhiều hơn số học sinh nam 8 học sinh. Hỏi lớp 2A có tất cả bao nhiêu học sinh nữ?

Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 4**I. Phần trắc nghiệm**

1. D	2. C	3. A	4. A	5. B	6. D	7. D
------	------	------	------	------	------	------

II. Phần tự luận

Câu 8: Học sinh tự đặt phép tính rồi tính

a) $105 + 273 = 378$

b) $852 - 720 = 132$

c) $2 \times 3 = 6$

d) $20 : 4 = 5$

Câu 9:

a) $X - 200 = 415$

b) $X : 9 = 3$

$X = 415 + 200$

$X = 3 \times 9$

$X = 615$

$X = 27$

Câu 10:

a) $4\text{cm} = 40\text{mm}$

b) $5\text{dm} = 500\text{mm}$

c) $12\text{km} + 27\text{km} = 39\text{km}$

c) $20\text{kg} : 5 + 24\text{kg} = 28\text{kg}$

Câu 11:

8 bộ quần áo cần số mét vải là:

$$4 \times 8 = 32 \text{ (m)}$$

Đáp số: 32m vải

Câu 12:

Số học sinh nữ của lớp 2A là:

$$16 + 8 = 24 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 24 học sinh

Đề thi học kì 2 Toán lớp 2 năm học 2020 – 2021 – Đề số 5

Đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 5**I. Phần trắc nghiệm (4 điểm):** Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:**Câu 1:** Số 448 được viết thành tổng là:

- A. $400 + 40 + 8$ B. $400 + 8$ C. $400 + 40$ D. $40 + 40 + 8$

Câu 2: Số lớn nhất trong các số 482, 194, 924, 738 là:

- A. 738 B. 924 C. 194 D. 482

Câu 3: Giá trị của X thỏa mãn $X + 100 = 789$ là:

- A. $X = 889$ B. $X = 689$ C. $X = 864$ D. $X = 624$

Câu 4: Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $8\text{dm} = \dots\text{mm}$ là:

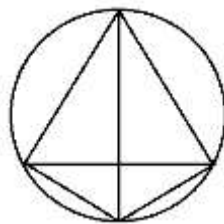
- A. 800 B. 80 C. 8 D. 88

Câu 5: Mỗi bao gạo nặng 2kg. 6 bao gạo như vậy nặng số ki-lô-gam là:

- A. 18kg B. 16kg C. 14kg D. 12kg

Câu 6: Kết quả của phép tính $214 + 583 - 383$ là:

- A. 460 B. 452 C. 414 D. 422

Câu 7: Số hình tam giác có trong hình dưới đây là:

- A. 6 hình B. 7 hình C. 8 hình D. 9 hình

II. Phần tự luận (6 điểm)**Câu 8:** Thực hiện phép tính:

- a) $104 + 255 - 112$ b) $234 - 110 + 542$
c) $120 + 257 + 100$ d) $899 - 463 - 210$

Câu 9: Tìm X, biết:

a) $X \times 5 = 35$

b) $X : 7 = 4$

Câu 10: Tính:

a) $12\text{kg} + 54\text{kg} - 47\text{kg}$

b) $22\text{km} - 15\text{km} + 55\text{km}$

Câu 11: Bạn Lan chia đều 30 viên kẹo vào 5 hộp. Hỏi mỗi hộp có bao nhiêu viên kẹo?

Câu 12: Hà có 15 nhãn vở. Hà được mẹ cho thêm 18 nhãn vở. Hỏi Hà có tất cả bao nhiêu nhãn vở?

Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 5**I. Phần trắc nghiệm**

1. A	2. B	3. B	4. A	5. D	6. C	7. C
------	------	------	------	------	------	------

II. Phần tự luận**Câu 8:**

a) $104 + 255 - 112 = 359 - 112 = 247$

b) $234 - 110 + 542 = 124 + 542 = 666$

c) $120 + 257 + 100 = 377 + 100 = 477$

d) $899 - 463 - 210 = 436 - 210 = 226$

Câu 9:

a) $X \times 5 = 35$

$X = 35 : 5$

$X = 7$

b) $X : 7 = 4$

$X = 4 \times 7$

$X = 28$

Câu 10:

a) $12\text{kg} + 54\text{kg} - 47\text{kg} = 66\text{kg} - 47\text{kg} = 19\text{kg}$

b) $22\text{km} - 15\text{km} + 55\text{km} = 7\text{km} + 55\text{km} = 62\text{km}$

Câu 11:

Mỗi hộp có số viên kẹo là:

$30 : 5 = 6 \text{ (viên kẹo)}$

Đáp số: 6 viên kẹo

Câu 12:

Hà có tất cả số nhãn vở là:

$15 + 18 = 33 \text{ (nhãn vở)}$

Đáp số: 33 nhãn vở

Đề thi học kì 2 Toán lớp 2 năm học 2020 – 2021 – Đề số 6**Đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 6**

I. Phần trắc nghiệm (4 điểm): Khoanh vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số 758 được đọc là:

- A. Bảy năm tám B. Bảy trăm năm mươi tám
C. Bảy trăm và năm tám D. Bảy trăm lăm mươi tám

Câu 2: Các số 589, 194, 481, 632 sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn được:

- A. 194, 632, 589, 481 B. 194, 481, 589, 632
C. 632, 589, 481, 194 D. 589, 632, 194, 481

Câu 3: Kết quả của phép tính $124 + 2 \times 3$ là:

- A. 142 B. 138 C. 130 D. 128

Câu 4: Kết quả của phép tính $14\text{kg} + 17\text{kg} - 28\text{kg}$ là:

- A. 3kg B. 4kg C. 5kg D. 6kg

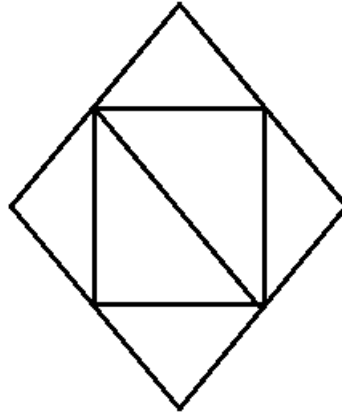
Câu 5: Hùng có 53 viên bi. Minh có ít hơn Hùng 7 viên bi. Minh có tất cả số viên bi là:

- A. 44 viên B. 47 viên C. 45 viên D. 46 viên

Câu 6: Giá trị của X thỏa mãn $X : 3 = 12 - 10$ là:

- A. $X = 3$ B. $X = 4$ C. $X = 5$ D. $X = 6$

Câu 7: Số hình tam giác có trong hình dưới đây là:



A. 4 hình

B. 5 hình

C. 6 hình

D. 7 hình

II. Phần tự luận (6 điểm)**Câu 8:** Đặt tính rồi tính

a) $112 + 223$

b) $759 - 436$

c) 4×5

d) $18 : 2$

Câu 9: Tìm X, biết:

a) $X : 8 = 3$

b) $X \times 5 = 45$

Câu 10: Tính:

a) $23\text{dm} + 12\text{dm} + 17\text{dm}$

b) $45\text{kg} - 8\text{kg} - 11\text{kg}$

Câu 11: Bác Hoa chia đều 40kg gạo vào 5 bao. Hỏi mỗi bao chứa bao nhiêu ki-lô-gam gạo?**Câu 12:** Tính độ dài đường gấp khúc ABCD biết độ dài các đoạn thẳng lần lượt là $AB = 12\text{cm}$, $BC = 27\text{cm}$ và $CD = 8\text{cm}$.

Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 2 – Đề số 6**I. Phần trắc nghiệm**

1. B	2. B	3. C	4. A	5. D	6. D	7. C
------	------	------	------	------	------	------

II. Phần tự luận

Câu 8: Học sinh tự đặt phép tính rồi tính

a) $112 + 223 = 335$

b) $759 - 436 = 323$

c) $4 \times 5 = 20$

d) $18 : 2 = 9$

Câu 9:

a) $X : 8 = 3$

b) $X \times 5 = 45$

$X = 3 \times 8$

$X = 45 : 5$

$X = 24$

$X = 9$

Câu 10:

a) $23\text{dm} + 12\text{dm} + 17\text{dm} = 35\text{dm} + 17\text{dm} = 52\text{dm}$

b) $45\text{kg} - 8\text{kg} - 11\text{kg} = 37\text{kg} - 11\text{kg} = 26\text{kg}$

Câu 11:

Mỗi bao chứa số ki-lô-gam gạo là:

$$40 : 5 = 8 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 8kg gạo

Câu 12:

Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

$$12 + 27 + 8 = 47 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 47cm.